

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

PHÙNG THANH MAI

**BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG
CÁC QUY PHẠM VỀ CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN
TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

**Chuyên ngành: Luật Hình sự và Tố tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2014

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TSKH Lê Văn Cẩm

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: giờ ngày tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
MỤC LỤC	1
MỞ ĐẦU	3
Chương 1:	
MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	10
1.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của quyền con người	10
1.1.1. Khái niệm quyền con người	10
1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của quyền con người	13
1.2. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam	20
1.2.1. Khái niệm các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam	21
1.2.2. Những đặc điểm cơ bản của các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam	21
1.3. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của việc bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam	28
1.3.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam	28
1.3.2. Những đặc điểm cơ bản của việc bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam	30
Chương 2:	
SỰ THỂ HIỆN NỘI DUNG BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH	37
2.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: thời hiệu, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt và miễn chấp hành hình phạt	38
2.1.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định thời hiệu	38
2.1.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định miễn trách nhiệm hình sự	44
2.1.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt	49
2.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm mức hình phạt đã tuyên và án treo	54
2.2.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù, chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù	54
2.2.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên	57
2.2.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định án treo	57
2.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: đặc xá, đại xá và xóa án tích	60
2.3.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định đặc xá	64
2.3.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định đại xá	64
2.3.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định xóa án tích	67
Chương 3:	70
HOÀN THIỆN CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI	75
3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam theo hướng bảo vệ quyền con người	75
3.2. Nội dung hoàn thiện	77
3.2.1. Chế định thời hiệu	82
3.2.2. Chế định miễn trách nhiệm hình sự	84
3.2.3. Chế định miễn chấp hành hình phạt	85
3.2.4. Chế định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù	86
3.2.5. Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên	87
KẾT LUẬN	89
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	91

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay cùng với sự phát triển của xã hội, tình hình tội phạm cũng gia tăng với mức độ ngày càng tinh vi, nguy hiểm cho xã hội. Ngoài việc thực hiện đồng loạt các giải pháp phòng ngừa, ngăn chặn thì pháp luật là công cụ hữu hiệu để hạn chế sự phát triển của tội phạm. Việc xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật vừa góp phần bảo đảm yêu cầu của công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, vừa tạo lòng tin của nhân dân vào pháp luật. Vì vậy, bất cứ người nào thực hiện tội phạm (ở các mức độ: ít nghiêm trọng, nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng) đều bị pháp luật hình sự xử lý kịp thời, nghiêm minh. Bên cạnh việc nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy, ngoan cố chống đối, lưu manh, côn đồ, tái phạm nguy hiểm, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội; người phạm tội dùng thủ đoạn xảo quyệt, có tổ chức, có tính chất chuyên nghiệp, cố ý gây hậu quả nghiêm trọng thì pháp luật hình sự còn thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng với người phạm tội, trong bất kỳ bản án nào các giá trị của quyền con người luôn được tôn trọng và bảo vệ. Bởi thế các biện pháp tha miễn được quy định trong pháp luật hình sự là một tất yếu để góp phần tạo ra những giá trị nhân đạo, bảo vệ quyền con người trong pháp luật hình sự. Hơn nữa, Hiến pháp năm 2013 đã dành một Chương riêng (Chương II) để quy định về quyền con người nên việc nghiên cứu, lý giải vấn đề này để góp phần bảo vệ các quyền cơ bản của con người, tránh sự xâm phạm của các cơ quan tiến hành tố tụng nhằm bảo đảm sự công bằng của pháp luật, đồng thời góp phần xây dựng nhà nước Việt Nam pháp quyền xã hội chủ nghĩa dựa trên sự bảo đảm về quyền con người là rất cần thiết.

2. Tình hình nghiên cứu

Việc nghiên cứu về quyền con người không phải là mới nhưng luôn có tính thời sự. Hiện nay đã có Tuyên ngôn Toàn thế giới về quyền con người năm 1948 (Tuyên ngôn) của Liên hợp quốc nhưng không phải quốc gia nào cũng tham gia, công nhận và thực hiện. Việt Nam là một trong những quốc gia đã ghi nhận và từng bước thực hiện có hiệu quả Tuyên ngôn trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đặc biệt là lĩnh vực tư pháp hình sự.

Việc nghiên cứu và hoàn thiện chế định bảo vệ quyền con người nói chung (trong đó có bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự nói riêng) đã được nhiều tác giả trong nước cũng như nước ngoài nghiên cứu dưới nhiều hình thức như:

Hình thức sách chuyên khảo về quyền con người (nói chung): 1) GS. TS. Nguyễn Đăng Dung, TS. Vũ Công Giao, ThS. Lã Khánh Tùng (đồng chủ biên), Lý luận và pháp luật về quyền con người, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2009; 2) PGS. TS. Nguyễn Văn Động, Quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp, NXB Khoa học xã hội Hà Nội 2005; 3) GS. TS. Trần Ngọc Đường, Bàn về quyền con người, quyền công dân, NXB Chính trị quốc gia Hà Nội 2004...

Để làm rõ hơn về quyền con người trong thực tiễn ở nước ta có Tạp chí Nhân quyền là diễn đàn để các nhà nghiên cứu công khai ý kiến, quan điểm để ngày càng hoàn thiện hơn vấn đề về nhân quyền. Tuy nhiên, những vấn đề được tạp chí đưa ra mới là nghiên cứu ở những góc độ chung nhất về quyền con người trong xã hội, quyền con người từ nhiều góc độ như: tôn giáo-đạo đức, lịch sử-xã hội, triết học, chính trị-pháp lý.

Để nghiên cứu toàn diện và tiếp tục hoàn thiện chế định quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự thì nghiên cứu chế định này một cách toàn diện trong lĩnh vực hình sự là một điều cần thiết. Trong những năm gần đây đã có nhiều tác giả nghiên cứu vấn đề bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực hình sự,

nghu nghiên cứu dưới hình thức sách chuyên khảo (về quyền con người trong lĩnh vực tư pháp hình sự: 1) GS. TSKH. Lê Cẩm, Hệ thống tư pháp hình sự trong giai đoạn xây dựng nhà nước pháp quyền, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2009; 2) Tòa án nhân dân tối cao - Vụ hợp tác Quốc tế, Quyền con người trong thi hành công lý, NXB Lao động-Xã hội Hà Nội 2010... *Nghiên cứu dưới hình thức tạp chí*: 1) GS. TSKH. Lê Cẩm, Những vấn đề lý luận về bảo vệ các quyền con người bằng pháp luật tư pháp hình sự, tạp chí Tòa án nhân dân, số 13/2006, tr.8-17; 2) PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chí, Bảo vệ quyền con người bằng pháp luật tố tụng hình sự, Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội, số 23/2007, tr.64-80; 3) TS. Nguyễn Quang Hiền, Bảo vệ quyền con người của bị hại trong pháp luật tố tụng hình sự, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 13/2011, tr.4-11... *Nghiên cứu dưới hình thức luận văn*: 1) Nguyễn Văn Luận, Việt Nam và vấn đề bảo vệ quyền con người, Trường Đại học Luật Hà Nội 2001; 2) Tống Đức Thảo, Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền con người ở nước ta hiện nay, Trường đại học Luật Hà Nội 2001...

Việc nghiên cứu về quyền con người dưới các hình thức trên hoặc tập trung vào những vấn đề chung về quyền con người (quyền dân sự, chính trị, văn hóa xã hội...) hoặc nghiên cứu trong một lĩnh vực rộng (quyền con người trong pháp luật tố tụng hình sự, trong đấu tranh chống tội phạm...). Tuy nhiên, trên thực tế dưới góc độ luận văn thạc sỹ luật học cho tới nay chưa có công trình nào nghiên cứu về *bảo vệ quyền con người bằng các quy phạm về các biện pháp tha miễn* trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành. Vì vậy, tác giả lựa chọn đề tài này để nghiên cứu rõ ràng có tính thời sự và cấp thiết.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn đúng như tên gọi của nó: Bảo vệ quyền con người bằng các quy định về biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu những vấn đề về lý luận và một phần nhỏ thực tiễn về chế định bảo vệ quyền con người trong pháp luật hình sự nói chung và áp dụng chế định bảo vệ quyền con người bằng các quy phạm về biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự nói riêng. Luận văn đi sâu nghiên cứu sự bảo vệ quyền con người thể hiện qua các biện pháp tha miễn được quy định trong Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

4.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ khái niệm, đặc điểm quyền cơ bản của con người được bảo vệ thông qua các chế định về các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự. Đồng thời, đi sâu phân tích tính nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam được thể hiện thông qua các biện pháp tha miễn. Qua đó, căn cứ vào xu thế hội nhập, định hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền và thực tiễn bảo vệ pháp luật... ở nước ta để đưa ra những đề xuất, giải pháp bảo đảm thực hiện, góp phần hoàn thiện các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam theo hướng bảo vệ quyền con người.

4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

* *Về lý luận*: Trên cơ sở những quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) về các biện pháp tha miễn phân tích khái niệm, bản chất của các biện pháp tha miễn để làm sáng tỏ ý nghĩa của sự bảo vệ quyền con người thông qua các biện pháp tha miễn đó.

* *Về thực tiễn*: Thông qua những ví dụ cụ thể để đánh giá sự bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn được quy định trong Bộ luật hình sự hiện hành. Từ đó, đóng góp một số giải pháp nhằm hoàn thiện hơn nữa các biện pháp tha miễn theo hướng bảo vệ quyền con người.

5. Cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Cơ sở phương pháp luận

Cơ sở lý luận của luận văn là quan điểm của Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước ta về đấu tranh phòng, chống tội phạm cũng như thành tựu của các ngành khoa học pháp lý về tư pháp hình sự như: Luật hình sự, tội phạm học... những luận điểm khoa học trong các công trình nghiên cứu, sách chuyên khảo và các bài viết đăng trên các tạp chí của các nhà nghiên cứu Việt Nam và nước ngoài.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu của khoa học Luật hình sự như: lịch sử, so sánh, phân tích, tổng hợp, thống kê... để làm sáng tỏ về mặt lý luận và một phần thực tiễn các vấn đề đưa ra trong luận văn.

6. Điểm mới của luận văn

6.1. Về lý luận

Luận văn là công trình nghiên cứu vấn đề bảo vệ quyền con người thông qua việc quy định các biện pháp tha miễn trong Bộ luật hình sự năm 1999, đặc biệt là tập trung đi sâu nghiên cứu việc bảo vệ quyền con người thông qua các quy phạm về các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành để làm rõ tính nhân đạo của hệ thống pháp luật hình sự hiện hành của nước ta. Luận văn có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo về mặt lý luận cho việc nghiên cứu về vấn đề này về sau cũng như góp phần phục vụ cho công tác lập pháp và thực tiễn xét xử pháp luật hình sự.

6.2. Về thực tiễn

Thông qua các ví dụ thực tiễn trong quá trình phân tích sự bảo vệ quyền con người bằng các quy phạm về các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự hiện hành luận văn góp phần làm rõ tính nhân đạo, khoan hồng của pháp luật hình sự nước ta với người phạm tội. Đồng thời, đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam về các biện pháp tha miễn theo hướng tăng cường việc bảo vệ quyền con người.

7. Kết cấu

Luận văn ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo có kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Một số vấn đề chung về bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện hành.

Chương 3: Hoàn thiện các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam theo hướng tăng cường việc bảo vệ quyền con người.

Chương 1:
**MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG CÁC BIỆN PHÁP THAM
MIỄN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM**

1.1. Khái niệm và các đặc điểm cơ bản của quyền con người

1.1.1. Khái niệm quyền con người

Hiện nay Việt Nam đã là thành viên của các công ước về quyền con người như: Công ước quốc tế Gio-ne-ơ về bảo hộ nạn nhân chiến tranh, đối xử nhân đạo với tù nhân chiến tranh (năm 1957); Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (năm 1981); Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội ác diệt chủng; Công ước về ngăn ngừa và trừng trị tội ác của chủ nghĩa Apácthai (năm 1981); Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, văn hóa và xã hội (năm 1982); Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (năm 1982); Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ (năm 1982); Công ước quốc tế về quyền trẻ em (năm 1989); Công ước quốc tế về các quyền của Người khuyết tật (năm 2007)... và Việt Nam cũng đang từng bước hoàn thiện pháp luật quốc gia về bảo vệ quyền con người (Luật Dân sự, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình...), đặc biệt trong Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi, bổ sung năm 2013 đã dành riêng một chương (chương II) quy định về quyền con người.

Tuy nhiên, cho tới đầu thế kỷ XX nhiều người vẫn không nắm bắt được nó một cách đầy đủ về quyền con người và khái niệm quyền con người. Qua thành tựu của công cuộc đổi mới, toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam đã có sự biến đổi sâu sắc. Hàng loạt vấn đề mới xuất hiện, hàng loạt vấn đề của cơ chế cũ đang được xem xét, nhìn nhận lại trong điều kiện mới sự hội nhập quốc tế và khu vực. Bằng cách đánh giá khách quan, khoa học tại Việt Nam và trên thế giới chúng ta càng nhận thức rõ hơn về quyền con người.

“Khái niệm quyền con người đã từng được đề cập trong Thỏa ước của Hội Quốc liên - văn kiện làm nền tảng cho việc thành lập Tổ chức Lao động Quốc tế. Đến năm 1968, Tuyên bố Tê-hê-ran được thông qua tại Hội nghị thế giới về quyền con người được tổ chức tại Iran đã khẳng định: “Tuyên ngôn Toàn thế giới về quyền con người đã xác nhận một nhận thức chung của các dân tộc trên thế giới về các quyền bất di, bất dịch và không thể bị xâm phạm của mọi thành viên trong gia đình, nhân loại và thiết lập một nghĩa vụ cho các thành viên của cộng đồng quốc tế. Hội nghị này cũng khẳng định sự tin tưởng với các nguyên tắc được đề cập trong Tuyên ngôn và kêu gọi các dân tộc và các Chính phủ: phấn đấu cho những nguyên tắc được ghi nhận trong Tuyên ngôn và tăng cường hơn nữa những nỗ lực nhằm bảo đảm cho mọi người có một cuộc sống phù hợp với tự do và nhân phẩm cũng như sự hạnh phúc về thể chất, tinh thần, xã hội và văn hóa” [6, tr.37]. Theo đó, *Quyền con người là những xử sự đương nhiên không bị ai ngăn cấm, hạn chế và được xã hội thừa nhận rộng rãi, bảo đảm thực hiện thống nhất bằng sự tự giác kết hợp với sức mạnh cưỡng chế của Nhà nước.*

1.1.2. Các đặc điểm cơ bản của quyền con người

Quyền con người là một vấn đề đã được đề cập từ lâu trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội - đây là cơ sở đầu tiên, quan trọng để con người được hưởng quyền công dân trong xã hội, nhưng với lịch sử lập hiến của nước ta lần đầu tiên quyền con người được đề cập trong Hiến pháp được sửa đổi năm 2013, theo đó quyền con người có những đặc điểm chủ yếu sau:

- *Quyền con người có tính pháp định:*

Ngày nay, “nhân quyền trở nên có nhiều ý nghĩa hơn chỉ khi chúng có được những nội dung chính trị. Nhân quyền không chỉ là quyền lợi của mỗi người trong tự nhiên mà còn bao hàm quyền lợi của họ trong xã hội. Chúng được bảo vệ bởi Luật pháp và hiến pháp” [36, tr.42]. Ở Việt Nam, Hiến pháp năm 1992 được sửa đổi bổ sung lần thứ 2 năm 2013 (Hiến pháp năm 2013) đã dành một chương riêng để quy định về quyền con người... Bên cạnh những nghĩa vụ con người còn có một số quyền cơ bản: quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người, hiến xác theo quy định của pháp luật; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình, quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín, các hình thức trao đổi thông tin khác; quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào; quyền khiếu nại, quyền tố cáo; không bị coi là có tội khi chưa có bản án kết tội của Tòa án có hiệu lực pháp luật; quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp; quyền tự do kinh doanh; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế; quyền nghiên cứu khoa học, công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và hưởng thụ lợi ích từ các hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa, tiếp cận các giá trị văn hóa; quyền sống trong môi trường trong lành.

- *Quyền con người gắn liền với nhân thân và được thừa nhận rộng rãi:*

Quyền con người khác quyền công dân, quyền công dân gắn với quốc tịch của con người đó và được nhà nước có quốc tịch bảo hộ, còn quyền con người gắn liền với cá nhân người đó (cả người có quốc tịch và không có quốc tịch), khi sinh ra và tồn tại trong một xã hội nhất định họ đã có sẵn những quyền ấy và những quyền ấy vĩnh viễn gắn liền với nhân thân người đó - người đó còn tồn tại là còn quyền. Quyền con người đã “trở thành một công cụ thiết yếu để ngăn ngừa xung đột, quyền con người còn là cơ sở chủ đạo trong quản lý nhà nước và dân chủ” [30, tr.69]. Tùy từng hệ thống pháp luật quốc gia mà quyền con người sẽ được thừa nhận và bảo vệ ở các mức độ khác nhau. Việt Nam là thành viên hoặc ra nhập nhiều Công ước khác nhau về vấn đề bảo vệ quyền con người nên vấn đề quyền con người ở nước ta được thừa nhận rộng rãi, coi trọng và thực hiện tương đối tốt.

- *Quyền con người có tính đặc thù:*

Mặc dù các quốc gia trên thế giới đều thừa nhận và thực hiện việc bảo vệ quyền con người nhưng do hoàn cảnh xã hội, kinh tế mà quyền của con người ở những nhà nước khác nhau được thừa nhận và bảo vệ khác nhau. Ở những quốc gia có nền kinh tế, trình độ khoa học kỹ thuật phát triển, chế độ an sinh xã hội được thực hiện tốt thì con người sẽ được hưởng thụ các giá trị văn hóa, vật chất tốt hơn các quốc gia khác không có điều kiện như vậy.

Trong mỗi quốc gia cụ thể, để giải quyết các vấn đề cụ thể về quyền con người phải kết hợp giữa tính phổ biến và tính đặc thù. Thừa nhận tính phổ biến của quyền con người với những giá trị chung của nhân loại, Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn nhấn mạnh khi giải quyết vấn đề nhân quyền phải đặt trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Ngoài những giá trị phổ biến, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia tùy theo chế độ chính trị, kinh tế, lịch sử, văn hoá dân tộc, tôn giáo có những giá trị riêng không ai có thể xâm phạm được (nếu nó không đi ngược lại những giá trị chung của nền văn minh nhân loại).

- *Quyền con người ở Việt Nam được thể hiện qua quyền và nghĩa vụ của công dân:*

Quyền con người ở Việt Nam được thể hiện trong quyền và nghĩa vụ công dân, thực hiện quyền con người gắn liền với quá trình thực hiện dân chủ hoá xã hội. Cương lĩnh của Đảng chỉ rõ, dân

chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thể hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội thông qua hoạt động của Nhà nước do nhân dân cử ra và bằng hình thức dân chủ trực tiếp; dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương, phải được thể chế hoá bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. Quyền con người là sự thống nhất giữa quyền và nghĩa vụ công dân, giữa quyền, lợi ích cá nhân với quyền và lợi ích cộng đồng. Các quyền và lợi ích của công dân nước ta luôn được gắn với nhau, được quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật. Công dân Việt Nam được thực hiện các quyền tự do cá nhân mà pháp luật không cấm, nhưng quyền tự do cá nhân không được xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác và cộng đồng, không được thực hiện các hành vi gây nguy hại đến an ninh quốc gia và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

1.2. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.2.1. Khái niệm các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam

Tuy Bộ luật hình sự Việt Nam hiện hành chưa chính thức ghi nhận thuật ngữ biện pháp tha miễn nhưng theo GS.TSKH. Lê Văn Cẩm - Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội thì biện pháp tha miễn là những biện pháp nhân đạo của pháp luật áp dụng với người phạm tội gồm 12 chế định: 1) Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (không truy cứu trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự); 2) Thời hiệu thi hành bản án (không phải chấp hành hình phạt do hết thời hiệu thi hành bản án); 3) Miễn trách nhiệm hình sự; 4) Miễn hình phạt; 5) Miễn chấp hành hình phạt; 6) Giảm mức hình phạt đã tuyên; 7) Án treo; 8) Hoãn chấp hành hình phạt tù; 9) Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; 10) Đại xá; 11) Đặc xá; 12) Xóa án tích.

Có thể định nghĩa *Biện pháp tha miễn là biện pháp thể hiện tính chất nhân đạo của pháp luật hình sự (như: Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự; Thời hiệu thi hành bản án; Miễn trách nhiệm hình sự; Miễn hình phạt; Miễn chấp hành hình phạt; Giảm mức hình phạt đã tuyên; Án treo; Hoãn chấp hành hình phạt tù; Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; Đại xá; Đặc xá; Xóa án tích), phản ánh sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội và được cơ quan có thẩm quyền áp dụng khi thỏa mãn những điều kiện nhất định được quy định trong Bộ luật hình sự.*

1.2.2. Những đặc điểm cơ bản của các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, biện pháp tha miễn là biện pháp có tính chất miễn, giảm trách nhiệm hình sự hoặc hình phạt

Biện pháp tha miễn thực chất là biện pháp miễn, giảm trách nhiệm hình sự, hình phạt với người phạm tội bởi biện pháp tha miễn làm giảm đi đáng kể mức độ lỗi, sự nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội hoặc căn cứ vào những điểm thuộc về nhân thân người phạm tội, hoàn cảnh phạm tội... để miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn toàn bộ, giảm một phần hình phạt hoặc hoãn thời gian chấp hành hình phạt. Trong những trường hợp phạm tội cụ thể, người thực hiện tội phạm thỏa mãn các yêu cầu của bất kỳ của một biện pháp tha miễn nào như: tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội; do chuyển biến của tình hình; do ăn năn, hối cải; khi có quyết định đặc xá, đại xá... họ sẽ được miễn trách nhiệm hình sự, còn người cũng thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng không thỏa mãn yêu cầu của biện pháp tha miễn nào thì họ phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi do hành vi gây ra là hình phạt.

Thứ hai, biện pháp tha miễn được quy định trong Bộ luật hình sự

“Biện pháp tha miễn trong luật hình sự thường là quy phạm (hoặc chế định) mang tính nhân đạo được ghi nhận trong Phần chung của Bộ luật hình sự vì nó thể hiện sự tôn trọng và bảo vệ các

quyền con người bằng pháp luật hình sự là những giá trị xã hội cao quý nhất được thừa nhận chung trong Nhà nước pháp quyền” [12, tr.13]. Với mục đích thể hiện rõ nét sự nhân đạo của pháp luật và bảo đảm nguyên tắc pháp chế của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam nên biện pháp tha miễn là những biện pháp chỉ được áp dụng với người thực hiện tội phạm khi biện pháp ấy được quy định trong Bộ luật hình sự và biện pháp tha miễn được quy định trong phần chung của Bộ luật hình sự, tại các điều 23-25, 55-67, 76-77.

Khi các biện pháp tha miễn được chính thức quy định trong luật tạo ra cơ sở nhất quán trong nguồn áp dụng các biện pháp có tính chất nhân đạo. Việc quy định biện pháp tha miễn không những là cơ sở nhất quán trong việc áp dụng mà còn là cơ sở cho việc hoàn thiện các biện pháp tha miễn theo hướng phù hợp với nhà nước pháp quyền.

Thứ ba, biện pháp tha miễn thể hiện sự nhân đạo và khoan hồng của pháp luật hình sự đối với người phạm tội

Ngay từ tên gọi biện pháp này đã chứa đựng sự nhân đạo, biện pháp tha miễn cho người phạm tội cơ hội rút ngắn thời gian chấp hành hình phạt, chỉ chấp hành một phần hoặc được miễn toàn bộ hình phạt đã tuyên. Biện pháp tha miễn trước hết thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước, đặt mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội lên hàng đầu, xem xét tất cả các đặc điểm tốt về nhân thân của người phạm tội theo quy định của pháp luật hình sự, xem xét kỹ lưỡng những đặc điểm tâm, sinh lý cũng như hoàn cảnh cụ thể của người phạm tội để quyết định một loại hình phạt ở mức độ cần thiết thấp nhất, vừa đủ bảo đảm mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, vừa đủ bảo đảm được mục đích giáo dục, cải tạo người phạm tội cũng như mục đích răn đe, ngăn chặn người khác phạm tội và mục đích khuyến khích, động viên, giáo dục quần chúng nhân dân tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm. Nhân đạo là sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích nhà nước, lợi ích cộng đồng và lợi ích của mỗi cá nhân. Biện pháp tha miễn phản ánh thái độ đúng đắn của Nhà nước với người phạm tội trong một tổng thể thống nhất, biện chứng, hài hòa và hợp lý.

Thứ tư, biện pháp tha miễn thể hiện sự bảo vệ quyền con người của pháp luật hình sự

Biện pháp tha miễn là sự miễn trách nhiệm hình sự, miễn, giảm hình phạt... đối với người phạm tội, biện pháp này quan tâm đến việc người thực hiện tội phạm sẽ phải gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi ra sao và hậu quả của nó như thế nào? Bị cáo khi được áp dụng biện pháp tha miễn thì hình phạt của họ sẽ “nhẹ” hơn hình phạt của các trường hợp tương tự nhưng không có các biện pháp tha miễn. Khi được hưởng tình tiết này bị cáo sẽ vẫn được bảo toàn hoặc chỉ bị hạn chế một số quyền nhất định (chứ không phải là tước bỏ hoàn toàn). Như khi áp dụng hình phạt là Án treo, bị cáo không bị tước bỏ hoàn toàn quyền tự do thân thể mà chỉ bị hạn chế ở một mức độ nhất định...

Thứ năm, biện pháp tha miễn chỉ được áp dụng trong trường hợp do pháp luật hình sự quy định

Việc quy định biện pháp tha miễn chỉ áp dụng trong những trường hợp do pháp luật quy định không những bảo đảm cho đường lối đấu tranh phòng chống tội phạm được thống nhất, bảo đảm quyền con người và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tập thể, cá nhân tránh khỏi sự xâm phạm của tội phạm mà còn là cơ sở, tạo sự thống nhất trong cách hiểu và áp dụng các quy định của pháp luật hình sự về các biện pháp tha miễn của người có thẩm quyền nhằm bảo đảm giải quyết các vụ án kịp thời và đúng pháp luật, không để tình trạng oan, sai xảy ra. Góp phần sửa đổi, bổ sung luật theo sự thay đổi của tình hình chính trị, kinh tế, xã hội sao cho phù hợp với yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm trong thời kỳ mới.

Thứ sáu, biện pháp tha miễn chỉ được áp dụng với cá nhân người phạm tội

Hình phạt và trách nhiệm hình sự luôn gắn với những cá nhân cụ thể, hệ thống pháp luật hình sự chưa có sự ghi nhận trách nhiệm hình sự của pháp nhân. Vì vậy, biện pháp tha miễn cũng phải gắn và chỉ được gắn với những cá nhân cụ thể.

1.3. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của việc bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam

1.3.1. Khái niệm bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam

Hình phạt vốn là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước, là công cụ hữu hiệu bởi tính cưỡng chế nghiêm khắc nhất của nó để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và khi áp dụng hình phạt người bị áp dụng hình phạt sẽ bị tước bỏ hoặc hạn chế quyền tự do (hình phạt tù, cấm cư trú, quản chế, trục xuất), quyền về tài sản (tịch thu tài sản, phạt tiền), quyền chính trị (cấm đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc nhất định) nhất định trong thời gian theo luật định. Hình phạt tù là hình phạt đặc thù hạn chế quyền tự do nhiều nhất của công dân mà biện pháp cưỡng chế khác không thể đạt được. Và đặc biệt, người bị áp dụng có thể bị tước đi quyền sống - một quyền cơ bản của con người mà bất cứ một biện pháp cưỡng chế nào khác ngoài hình phạt (tử hình) đều không thể tước bỏ. Nhưng khi người bị áp dụng hình phạt thỏa mãn các điều kiện áp dụng các biện pháp tha miễn họ sẽ không phải chấp hành hoàn toàn những hình phạt nặng nề mà đáng ra họ phải gánh chịu (hình phạt với họ luôn nhẹ hơn - vì bản thân có các tình tiết được miễn, giảm hình phạt...), thậm chí họ còn không phải chịu án tích - hậu quả pháp lý bất lợi về nhân thân đối với người phạm tội (khi họ được miễn, giảm hình phạt...). Vậy, *bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam là sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật thông qua bản án, quyết định của các cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp tha miễn được quy định trong Bộ luật hình sự đối với người phạm tội.*

1.3.2. Những đặc điểm cơ bản của việc bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam

Thứ nhất, bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự thể hiện sự nhân đạo, bảo đảm tính công bằng, tiến bộ xã hội

Bởi trong cùng những điều kiện nhất định với cùng một loại tội phạm, nhưng những trường hợp được áp dụng biện pháp tha miễn luôn có hình phạt nhẹ hơn những trường hợp khác là sự bảo đảm sự công bằng trong gánh chịu hậu quả pháp lý bất lợi của tội phạm. Bởi lẽ, không phải tự nhiên họ có những tình tiết thuộc về chế định “tha miễn”, những tình tiết này là do nhận thức, nhân thân hoặc hoàn cảnh đưa lại (cũng có thể là do “nỗ lực” của bản thân). Quy định biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự cũng là sự ghi nhận vượt bậc của sự tiến bộ xã hội bởi từ việc chế định này chưa được quy định cụ thể, còn rải rác ở các văn bản dưới luật, rất khó khăn trong việc tra cứu và áp dụng, đến nay các biện pháp này đã được cụ thể hóa trong Bộ luật hình sự.

Thứ hai, bảo vệ quyền con người bằng các biện pháp tha miễn góp phần đẩy nhanh quá trình tái hòa nhập xã hội cho người phạm tội

Vấn đề tái hòa nhập xã hội là vấn đề cần được lưu tâm đúng mức, nó có vai trò quan trọng để giảm thiểu tình trạng tái phạm và góp phần không nhỏ giáo dục người phạm tội khi họ “hoàn lương”, quay lại với cuộc sống đời thường. Người phạm tội có các tình tiết tha miễn có thời hạn chấp hành hình phạt, quá trình bị “hạn chế các quyền” ngắn hơn các bị cáo không có tình tiết này. Thời gian họ không bị cách ly ra khỏi đời sống xã hội không quá lâu, nên họ cũng dễ dàng hơn với quá trình tái hòa nhập xã

hội. Cộng đồng dân cư cũng dễ chấp nhận họ hơn bởi tính chất hành vi phạm tội hay vì hoàn cảnh mà họ lâm vào trước/ sau khi thực hiện tội phạm.

Thứ ba, thông qua các biện pháp tha miễn góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật hình sự hiện hành theo hướng bảo vệ quyền con người

Trong bối cảnh đổi mới đất nước hiện nay, với sự phát triển không ngừng của khoa học, công nghệ, thực trạng xã hội có nhiều thay đổi việc tăng cường vai trò của pháp luật được đặt ra như một tất yếu khách quan. Điều đó không chỉ nhằm mục đích xây dựng một xã hội có trật tự, kỷ cương, văn minh, đặc biệt hướng đến bảo vệ và phát triển các giá trị văn hóa của xã hội truyền thống, trong đó chú trọng việc bảo vệ quyền con người. Tuy biện pháp tha miễn là chế định nhân đạo của pháp luật hình sự, song để áp dụng như thế nào cho đúng và hợp lý, có tình lại là vấn đề đã và đang được đặt ra đòi hỏi các cơ quan có thẩm quyền xem xét. Một chế định khả thi khi chúng được áp dụng và kiểm nghiệm trong thực tế và thực tiễn cuộc sống chính là cơ sở khách quan để đánh giá một chế định có thực hiện hết được các chức năng của nó hay không? và với chế định biện pháp tha miễn trong Bộ luật hình sự hiện hành cũng vậy.

Chương 2:

SỰ THỂ HIỆN NỘI DUNG BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI BẰNG CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH

Pháp luật hình sự là một ngành luật có các biện pháp cưỡng chế mang tính nghiêm khắc nhất, có thể hạn chế hoặc tước bỏ một số quyền tự do của con người, thậm chí còn có thể lấy đi quyền sống của họ. Vậy nên quy định vấn đề bảo vệ quyền con người trong pháp luật hình sự là một yêu cầu thiết yếu. Biện pháp tha miễn với tư cách là một chế định nhân đạo của pháp luật hình sự - bảo vệ quyền con người (thông qua pháp luật), là sản phẩm thể hiện rõ nguyên tắc nhân đạo của pháp luật. Việc quy định bảo vệ quyền con người bằng các chế định của biện pháp tha miễn vừa thể hiện được bản chất nhân đạo của pháp luật nước ta, mặt khác tạo ra cơ chế bảo vệ quyền con người và từng bước bảo đảm thực hiện thống nhất các quyền đó trong thực tiễn đời sống.

2.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: thời hiệu, miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt và miễn chấp hành hình phạt

2.1.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định thời hiệu trong luật hình sự

** Không truy cứu trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự*

Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ngay từ khái niệm, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã phản ánh sự nhân đạo của pháp luật hình sự, bởi lẽ chỉ cần qua một thời hạn quy định trong Bộ luật hình sự người phạm tội sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự (khi thỏa mãn những điều kiện luật định). Có thể nói đây là chế định bảo vệ quyền con người vì thời hiệu chính là một khoảng thời gian nhất định được ấn định từ trước trong Luật (tính bằng năm) cho những loại tội phạm cụ thể. Trong khoảng thời gian nhất định đó người thực hiện tội phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự tại mọi thời điểm, nhưng khi hết khoảng thời gian này người phạm tội sẽ được loại trừ khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự.

Ví dụ xét trường hợp Lý Văn Chúc, Nguyễn Thị Lành, Lý Văn Phúc, Lý Thị Nghiến phạm tội không tố giác tội phạm đối với bị can là Lý Nguyễn Chung, sinh năm 1988, trú tại thôn Đoàn kết, xã

Eaka Mút, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk phạm tội giết người, cướp tài sản. Cụ thể: Khoảng 19 giờ 15 phút ngày 15/8/2003 Chung đi từ nhà đến cửa hàng tạp hóa của chị Nguyễn Thị Hoan cùng thôn để mua dầu gội đầu (khi đi Chung mang theo 01 con dao bấm). Nhìn thấy trong tủ kính bán hàng tạp hóa có một chiếc hộp đựng tiền nên đã nảy sinh và thực hiện hành vi giết chị Hoan để chiếm đoạt số tiền và lấy đi hai chiếc nhẫn màu vàng trên tay chị Hoan. Khoảng 04 giờ 30 phút ngày hôm sau bà Nguyễn Thị Lành (mẹ Chung) dậy nấu ăn, dọn dẹp phát hiện bộ quần áo của Chung ngâm trong chậu nước có màu máu, liền gọi chồng là ông Lý Văn Chúc và nói có khả năng Chung đã giết chị Hoan (ông bà sau khi hỏi thì Chung đã thú nhận sự việc). Cả hai cho Chung về Lạng Sơn trốn. Ở đây Chung kể sự việc cho anh trai là Lý Văn Phúc và chị gái là Lý Thị Nghiến biết... Ngày 25/10/2013 Lý Nguyễn Chung đến Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân Tối cao đầu thú.

Trong vụ án này Lý Văn Chúc, Nguyễn Thị Lành, Lý Văn Phúc, Lý Thị Nghiến đều có quan hệ ruột thịt với bị can nên đã có hành vi che dấu tội phạm nhưng tính đến nay đã 10 năm trôi qua Lý Văn Phúc đã chết và đối với các cá nhân còn lại thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự với Lý Văn Chúc, Nguyễn Thị Lành, Lý Thị Nghiến về tội không tố giác tội phạm không được đặt ra.

Vì thế, có thể khẳng định: chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là chế định nhân đạo, hướng tới mục đích bảo vệ quyền con người, bảo vệ quyền tự do thân thể của người phạm tội, nếu vượt qua khoảng thời gian nói trên thì người đó không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

** Không phải chấp hành hình phạt do hết thời hiệu thi hành bản án kết tội:*

Cũng giống với thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, lần đầu tiên trong Bộ luật hình sự hiện hành ghi nhận khái niệm thời hiệu thi hành bản án hình sự. *Thời hiệu thi hành bản án hình sự là thời hạn do Bộ luật hình sự quy định mà khi hết thời hạn đó thì người bị kết án không phải chấp hành bản án đã tuyên.*

Thời hiệu thực chất là khoảng thời gian được luật hóa. Khoảng thời gian này được ấn định từ trước trong Luật đối với những hình phạt cụ thể. Trong khoảng thời gian nhất định đó người bị kết án sẽ buộc phải chấp hành bản án đã tuyên. Khi khoảng thời gian này trôi qua người bị kết án sẽ được loại trừ việc chấp hành hình phạt mà Toà án đã tuyên.

Ví dụ: Lò Văn Thái bị Toà án nhân dân áp dụng Điểm đ Khoản 2 Điều 194, Điểm p Khoản 1 Điều 46, Khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự tuyên 9 năm tù, phạt 10 triệu đồng về tội Tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, 1 năm tù về tội cố ý gây thương tích. Tổng hợp hình phạt buộc Thái phải chấp hành hình phạt chung là 10 năm tù và 10 triệu đồng... Trong trường hợp này căn cứ mức hình phạt để tính thời hiệu thi hành bản án là 10 năm tù mà không tính 10 triệu đồng để làm mốc xét tiếp thời hiệu thi hành bản án hình sự.

Như vậy, cách tính thời hiệu thi hành bản án hình sự trong trường hợp này có lợi cho bị án, thời hiệu này sẽ được rút ngắn khi bản án có tổng hợp hình phạt của nhiều tội thì căn cứ mức hình phạt để tính thời hiệu thi hành bản án hình sự chính là hình phạt chung của hình phạt chính nặng nhất. Có thể nói, xuất phát từ mục đích đề cao quyền con người nên Bộ luật hình sự đã giới hạn cho người bị kết án một khoảng thời gian nhất định, chỉ trong khoảng thời gian đó người bị kết án mới phải thi hành bản án đã được tuyên. Nếu thời gian không được quy định trong Bộ luật hình sự thì không thể coi là thời hạn.

2.1.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định miễn trách nhiệm hình sự

Không phải tất cả các trường hợp phạm tội đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự với những trường hợp có đầy đủ các dấu hiệu của cấu thành tội phạm và không truy cứu trách nhiệm hình sự với những trường hợp có những điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự. *Miễn trách nhiệm hình sự là sự nhân đạo của pháp luật hình sự Việt Nam không buộc người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đã thực hiện, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng với người phạm tội khi thỏa mãn những điều kiện mà pháp luật quy định.*

Ví dụ: Ngày 15/12/2009, Nguyễn Văn Yên (có đầy đủ năng lực hành vi hình sự, không có tiền án, tiền sự) đánh bạc trái phép dưới hình thức bán lô, đề cho Nguyễn Thanh Bình. Trong đó, số tiền Yên dùng để đánh bạc là 1.200.000 đồng. Khi Yên đang bán lô, đề cho B thì bị lực lượng công an bắt quả tang cùng toàn bộ tang vật. Ngày 22/12/2009, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ra quyết định khởi tố vụ án hình sự và quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Yên về tội đánh bạc theo quy định tại Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự năm 1999. Ngày 01/01/2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1999 có hiệu lực, trong đó tội đánh bạc quy định tại Điều 248 được sửa đổi như sau: “Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 249 của Bộ luật này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm” [4, tr.34]. Vào thời điểm này cơ quan Toà án chưa đưa vụ án của Nguyễn Văn Yên ra xét xử, do chuyển biến tình hình xã hội, hành vi phạm tội của Yên không còn nguy hiểm cho xã hội đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự nữa. Vì thế, Toà án quyết định miễn trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn Yên.

Như vậy, tùy thuộc vào đặc điểm tình hình của từng thời kỳ mà cùng một hành vi được coi là nguy hiểm cho xã hội hay không nguy hiểm cho xã hội. Ngày 01/01/2010 là mốc thời gian quan trọng mà kể từ đó một số hành vi trước đây là nguy hiểm cho xã hội còn hiện tại được coi là chưa đến mức nguy hiểm cho xã hội. Với mục đích mở rộng tính nhân đạo của các biện pháp tha miễn mà miễn trách nhiệm hình sự được đặt ra với tội phạm khi có sự chuyển biến của tình hình... nên khi tình hình xã hội thay đổi (vật giá lạm phát...) mà định lượng về khung hình phạt dành cho tội phạm cũng được nâng lên cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Trong trường hợp trên hành vi của Nguyễn Văn Yên cho đến thời điểm xét xử (do thay đổi của chính sách pháp luật) đã không còn nguy hiểm cho xã hội nên được miễn trách nhiệm hình sự. Yên không còn bị truy tố hay xét xử về tội đánh bạc.

Vì “người được miễn trách nhiệm hình sự đương nhiên không phải chịu các hậu quả pháp lý hình sự bất lợi của việc phạm tội do mình thực hiện (như không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kết tội, không phải chịu hình phạt hoặc biện pháp cưỡng chế về hình sự khác và không bị coi là có án tích” [62, tr.7] nên có thể nói miễn trách nhiệm hình sự là chế định phản ánh sự nhân đạo của pháp luật vì “miễn trách nhiệm hình sự không phải là sự minh oan theo thủ tục của pháp luật hình thức (tố tụng hình sự) cho người được coi là vô tội trong việc thực hiện tội phạm, mà là chế định phản ánh rõ nét nhất nguyên tắc nhân đạo của chính sách hình sự nói chung và của pháp luật hình sự nói riêng trong một Nhà nước” [9, tr.753]; qua việc miễn trách nhiệm hình sự cho người phạm tội Nhà nước “động viên, khuyến khích họ lập công, chuộc tội, chứng tỏ khả năng giáo dục, cải tạo và có nhân thân tốt” [50, tr.82] đồng thời giúp họ “nhanh chóng hòa nhập với cộng đồng và xã hội” [50, tr.82] hay nói cách khác miễn trách nhiệm hình sự là “sự xóa bỏ hoàn toàn hậu quả pháp lý hình sự của việc thực hiện một tội phạm chỉ có thể được đặt ra đối với người nào là chủ thể của chính tội phạm ấy mà lẽ ra

nếu không có đủ các căn cứ và những điều kiện do luật định để được miễn trách nhiệm hình sự thì người đó phải chịu trách nhiệm hình sự theo các quy định của pháp luật” [9, tr.753-754].

2.1.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt

*** Miễn hình phạt:**

Khi người phạm tội thỏa mãn những điều kiện nhất định (có nhiều tình tiết giảm nhẹ luật định) đáng được khoan hồng đặc biệt (không đến mức được miễn trách nhiệm hình sự) nhưng đáng được khoan hồng đặc biệt thì được miễn hình phạt. Có thể hiểu *Miễn hình phạt là không buộc người phạm tội phải gánh chịu biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người phạm tội.*

Ví dụ trường hợp 20 giờ ngày 21/9/2010, trên đường đi làm về từ bến xe bus Nguyễn Bảo Minh gặp một bóng đen trên đường và tiến về phía mình, bất giác bóng đen vung dao đâm về phía Minh, Minh sợ hãi bỏ chạy, bóng đen đuổi theo tiếp tục truy sát Minh, Minh nhanh chóng vớ được que cắm ruộng ven đường chống chọi lại bóng đen, bóng đen bất ngờ bị chống trả lại nên luống cuống bị phần nhọn của que chọc vào mạng sườn ngã xuống đất, M bật đèn điện thoại xem đó là ai thì phát hiện ra là Hà (bạn cùng xã với Minh), hai người có bất hòa do cùng thích chị Kim ở cùng thôn. Phát hiện ra Hà mất nhiều máu nên Minh nhanh chóng đưa Hà vào bệnh viện đa khoa của huyện. Tại đây Hà được bác sỹ sơ cứu, cầm được máu và phát hiện rằng que cắm ruộng mà Minh dùng để tự vệ làm gãy 1 xương sườn, thủng ruột non của Hà (tỷ lệ thương tật sau giám định 32%). Minh bị Viện kiểm sát nhân dân huyện truy tố về tội Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe người khác do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng (Khoản 1 Điều 106 Bộ luật hình sự), Toà án nhân dân huyện sau khi xem xét gia cảnh của Minh (là lao động duy nhất trong nhà nuôi mẹ già yếu và 2 em đang đi học) hơn nữa Minh đã ngăn chặn, làm giảm bớt tác hại của tội phạm; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho Hà (đưa Hà vào viện, trả tiền viện phí, bồi thường 1 khoản cho Hà) hơn nữa với Minh đây là lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Hà cũng có đơn với Toà án xin cho Minh được chấp hành mức hình phạt thấp nhất. Sau khi căn cứ vào Khoản 1 Điều 106; Điều 54; Điểm a, b, h Khoản 1 Điều 46... Bộ luật hình sự Toà quyết định miễn hình phạt với Minh.

Qua vụ án trên cho thấy chế định miễn hình phạt mang tính nhân đạo, bảo vệ quyền tự do về thân thể của con người (không tước đi tự do của người phạm tội) khi họ thỏa mãn những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Toà án có thẩm quyền căn cứ vào tình hình thực tế áp dụng với người phạm tội.

*** Miễn chấp hành hình phạt:**

Miễn chấp hành hình phạt là biện pháp tha miễn mang tính bảo vệ quyền con người, “là một chế định nhân đạo của luật hình sự Việt Nam và được thể hiện ở chỗ - Tòa án vẫn quyết định hình phạt nhất định trong bản án kết tội có hiệu lực pháp luật đối với người bị coi là có lỗi trong việc thực hiện tội phạm, nhưng không buộc người này phải chấp hành toàn bộ hình phạt ấy khi có đầy đủ căn cứ và những điều kiện do pháp luật hình sự quy định” [9, tr.790-791]. Để tăng sự bảo vệ quyền con người miễn chấp hành hình phạt có phạm vi áp dụng rộng, có thể đặt ra với những tội phạm mà hình phạt chưa được chấp hành, cũng có thể đặt ra với những hình phạt đang được chấp hành và nó đặt ra cả với những hình phạt đã được hoãn hoặc được tạm đình chỉ chấp hành mà hệ quả là người đó không phải chấp hành hình phạt đó nữa khi người phạm tội thỏa mãn một số điều kiện nhất định về nhân thân và ý thức tuân thủ pháp luật... được chính quyền địa phương (nơi người đó thường trú) hoặc viện trưởng

viện kiểm sát đề nghị thì Toà án xem xét việc miễn chấp hành hình phạt cho họ. Có thể hiểu *Miễn chấp hành hình phạt là biện pháp tha miễn thể hiện sự khoan hồng của pháp luật hình sự, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng, không buộc người phạm tội phải chấp hành một phần hình phạt hoặc toàn bộ hình phạt do Tòa án tuyên.*

Ví dụ trường hợp Đinh Tuấn Phong đang chấp hành hình phạt tù 1 năm vì tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, sau 6 tháng chấp hành hình phạt trong quá trình cải tạo tại trại giam, Phong bị axit bắn vào mắt gây tổn thương nghiêm trọng, theo Điều 61 Bộ luật hình sự Toà án quyết định cho Phong được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để đi chữa trị. Khi điều trị mắt gần khỏi trên đường về nhà Phong phát hiện có 3 cháu bé đang bơi ở hồ bị đuối nước Phong nhanh chóng nhảy xuống nước và cứu được 3 cháu bé. Căn cứ vào tình hình thực tế viện kiểm sát cùng cấp và vào Khoản 4 Điều 57 đề nghị Toà án miễn chấp hành hình phạt tù đối với Đinh Tuấn Phong và được tòa chấp thuận.

Như vậy, đối với người bị kết án tù có thời hạn được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt theo quy định tại Điều 61 Bộ luật hình sự với sự nhân đạo của pháp luật trong quá trình tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù ấy đối với người phạm tội mà người đó có biểu hiện cải tạo tốt (cải tạo ngoài cộng đồng) thì pháp luật hình sự sẽ tạo cho họ cơ hội được tái hòa nhập cuộc sống bình thường nhanh hơn bằng cách miễn chấp hành hình phạt cho người đó.

2.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, giảm mức hình phạt đã tuyên và án treo

2.2.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định hoãn chấp hành hình phạt tù, chế định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Hai chế định này là sự ghi nhận của pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người (quyền tự do thân thể), là việc ngừng chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định, hoãn chấp hành hình phạt chỉ đặt ra với người bị kết án khi họ chưa chấp hành hình phạt tù và nếu họ đang chấp hành hình phạt tù mà cũng thỏa mãn những điều kiện đó thì họ được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Trong luật quy định là hoãn hay tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù mà không chỉ rõ hình phạt tù là là có thời hạn hay tù không có thời hạn nên Tòa án có thể căn cứ vào tình hình thực tế để áp dụng cho người bị kết án - đây cũng là nét nhân đạo của luật hình sự hiện hành (quy định đối tượng áp dụng rộng - cả hai loại hình phạt tù, tạo điều kiện cho bị án được tại ngoại để lập công chuộc tội...). Vậy, *hoãn chấp hành hình phạt tù là tạm dừng lại một thời gian nhất định trong việc chấp hành hình phạt tù của người bị kết án nếu họ chưa chấp hành hình phạt đó. Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù là việc người đang chấp hành hình phạt tù được tạm dừng lại một thời gian nhất định trong việc chấp hành hình phạt đó.*

Ví dụ: Tháng 10 năm 2011, Phan Đăng Di (39 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự) do khúc mắc từ trước đã dùng dao để giải quyết mâu thuẫn với Vi Văn Khương, kết quả giám định thương tật 4% (gãy 1 xương sườn). Căn cứ vào tình hình thực tế và Điểm a Khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự Tòa tuyên phạt Di 6 tháng tù.

Có hai trường hợp được đặt ra với vụ án này:

- Trường hợp 1: Trước khi thực hiện tội phạm Di bị nhiễm lao nặng độ 4 kháng thuốc (có kết luận của bệnh viện thành phố Đà Nẵng về việc người chấp hành hình phạt tù - Phan Đăng Di bị bệnh nặng và nếu để chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng). Trong trường hợp này chánh án Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định cho Di hoãn chấp hành hình phạt tù.

- Trường hợp 2: Sau khi chấp hành được 3 tháng Di phát hiện ra bản thân bị nhiễm lao nặng độ 4 kháng thuốc (có kết luận của bệnh viện thành phố Đà Nẵng về việc người đang chấp hành hình

phạt tù - Phan Đăng Di bị bệnh nặng và nếu tiếp tục chấp hành hình phạt tù sẽ nguy hiểm đến tính mạng). Trong trường hợp này chánh án Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định cho Di tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Như vậy, pháp luật hình sự thể hiện sự nhân đạo với bị án khi họ sẽ và đang chấp hành hình phạt tù. Khi ở trong một số hoàn cảnh nhất định ảnh hưởng tới bản thân, gia đình bị án hoặc là khả năng chấp hành hình phạt, để tăng hiệu quả của hình phạt, sự cải tạo đối với bị án mà hoãn chấp hành hình phạt tù và tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được đặt ra và áp dụng đối với họ.

Có thể nói: Hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù là hai chế định nhân đạo, phản ánh chính sách nhân đạo của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Theo nguyên tắc thông thường khi Toà án đã tuyên hình phạt thì người bị kết án sẽ phải chấp hành một cách nghiêm túc những hình phạt ấy. Tuy nhiên, trong những trường hợp nhất định, khi người đó lâm vào những hoàn cảnh đặc biệt liên quan đến chính bản thân hoặc gia đình, công việc của người đó... không thể khắc phục được, khi ấy người bị kết án sẽ được hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù nếu Toà án sau khi cân nhắc xem xét các lý do đó và xét thấy hợp lý. Đây là biện pháp bảo vệ quyền tự do thân thể của con người, là biện pháp khoan hồng mà Nhà nước dành cho người bị kết án nhằm dừng lại một khoảng thời gian nhất định đối với việc chấp hành hình phạt, tạo cơ hội cho người bị kết án kéo dài thời gian tại ngoại (vì những nguyên nhân được định sẵn) trước khi chấp hành hình phạt tù. Biện pháp này chuẩn bị tâm lý sẵn sàng cho người bị kết án để khi phải chấp hành hình phạt họ cố gắng cải tạo, nâng cao ý thức pháp luật, tự giáo dục và rèn luyện bản thân rút ngắn quá trình cải tạo, nhanh chóng tái hòa nhập với xã hội.

2.2.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định giảm mức hình phạt đã tuyên

Chế định này cũng có quan hệ mật thiết với chế định hình phạt nhưng tính chất nhân đạo kém hơn chế định miễn hình phạt. Khi hội đủ những yếu tố nhất định người phạm tội có thể được giảm hình phạt. Dựa vào nội hàm và mối quan hệ của chế định này với hình phạt có thể đưa ra khái niệm về giảm mức hình phạt đã tuyên như sau: *Giảm mức hình phạt đã tuyên là rút ngắn thời hạn hoặc miễn toàn bộ thời gian còn lại của việc chấp hành phần mà Tòa án đã tuyên với người bị kết án.*

Ví dụ: Tối ngày 28/12/2008, Nguyễn Đình Đắc (17 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi hình sự) tham gia đua xe để ăn mừng chiến thắng của đội tuyển bóng đá Quốc gia Việt Nam vô địch cup AFF Suzuki 2008. Đường đua là đoạn đường từ chân cầu Thăng Long đến hết đường Phạm Hùng. Trong quá trình đua xe Đắc không may va quyết và cán ngã anh Phạm Trọng Linh (theo kết luận của giám định pháp y anh Linh bị gãy tay trái, chân phải). Căn cứ vào tình hình thực tế, Khoản 1 Điều 207, Điều 73, Điểm h Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự Toà án tuyên phạt Nguyễn Đình Đắc 9 tháng cải tạo không giam giữ. Trong quá trình chấp hành hình phạt Đắc có nhiều biểu hiện tốt: tích cực tham gia các phong trào của Đoàn thanh niên tại địa phương, tham gia lao động công ích... Căn cứ vào công văn của UBND phường nơi Đắc cư trú Toà án nhân dân quận Cầu Giấy xét giảm mức hình phạt đã tuyên dành cho Đắc xuống còn 5 tháng cải tạo không giam giữ.

Như vậy, pháp luật hình sự đã có sự khoan hồng với Đắc, căn cứ vào biểu hiện tốt trong cải tạo của Đắc, nhằm khuyến khích không chỉ Đắc mà nhiều người trong hoàn cảnh như Đắc có nỗ lực phấn đấu, cải tạo để rút ngắn khoảng thời gian chấp hành hình phạt mà Toà án tuyên đối với họ.

Có thể nói giảm mức hình phạt đã tuyên là sự rút ngắn hoặc miễn toàn bộ thời gian còn lại của việc chấp hành hình phạt đã tuyên. Người phạm tội chỉ có thể được giảm mức hình phạt đã tuyên khi

họ đã chấp hành hình phạt được một khoảng thời gian nhất định và có sự tiến bộ hoặc bản thân gặp điều kiện khó khăn mà không thể tự mình khắc phục được và biện pháp tha miễn này có phạm vi áp dụng tương đối rộng đó là hình phạt tiền, cải tạo không giam giữ, phạt tù. Giảm mức hình phạt đã tuyên là biện pháp hạn chế, thay thế cho việc áp dụng các chế tài bất lợi với người phạm tội nhưng vẫn bảo đảm ý nghĩa giáo dục, phòng ngừa với người phạm tội. Chế định này tạo cho người đang chấp hành hình phạt tù vẫn có cơ hội được giảm mức hình phạt, nhanh chóng trở về với cuộc sống hiện tại, thời gian chấp hành hình phạt (còn lại - nếu có) sẽ được rút ngắn. Vậy, giảm mức hình phạt đã tuyên tạo ra cơ hội làm lại từ đầu nhanh hơn cho bị án (khi họ thỏa mãn những điều kiện nhất định).

2.2.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định án treo

Theo Điều 1 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng điều 60 của Bộ luật hình sự về án treo quy định: *Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt có điều kiện được Tòa án áp dụng đối với người phạm tội bị phạt tù không quá 3 năm, căn cứ vào nhân thân của người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, xét thấy không cần buộc phải chấp hành hình phạt tù.*

Ví dụ: Trường hợp Nguyễn Hùng Minh và Nguyễn Văn Đức có hành vi đập vỡ cửa kính chắn gió trước, kính chắn gió bên phải ô tô bus do anh Mai Đức Khiêm điều khiển và kính chắn gió xe taxi của hãng taxi Thế Kỷ Mới. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/5/2014, các bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho nguyên đơn dân sự thể hiện việc bị cáo đã thực sự ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của bản thân (bị cáo Minh đã bồi thường cho hãng taxi Thế Kỷ Mới sáu triệu đồng, bị cáo Đức đã bồi thường cho Xí nghiệp Vận tải du lịch Hà Nội ba triệu đồng), hành vi của các bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; lần đầu tiên bị đưa ra xét xử, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, tại phiên tòa có sự bảo lãnh của gia đình nên lấy đây làm căn cứ giảm nhẹ cho hai bị cáo một phần hình phạt chính và cũng là căn cứ để hai bị cáo được cải tạo ngoài xã hội tạo cơ hội cho họ sửa chữa, lao động là công dân có ích cho xã hội. Căn cứ Khoản 1, Điều 43; điểm b, g, p, Khoản 1, Điều 46; Khoản 2 Điều 60; Điều 33 Bộ luật hình sự tòa án nhân dân huyện Gia Lâm tuyên phạt hai bị cáo tội Cố ý làm hư hỏng tài sản; tuyên bị cáo Nguyễn Hùng Minh 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng kể từ ngày tuyên án; bị cáo Nguyễn Văn Đức 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng kể từ ngày tuyên án; đồng thời giao hai bị cáo về địa phương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Như vậy, qua bản án trên bên cạnh sự nghiêm minh thì pháp luật còn mang tính nhân đạo, bảo vệ quyền tự do thân thể của con người sâu sắc. Chỉ cần bị xử phạt tù không quá ba năm, nhân thân tốt và các tình tiết giảm nhẹ nếu xét thấy không cần thiết phải chấp hành hình phạt tù mà vẫn bảo đảm khả năng giáo dục, cải tạo của bị án thì Tòa án xem xét cho bị án được hưởng án treo...

Có thể nói Án treo là biện pháp mang tính chất khoan hồng với bị án, là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện mang tính chất nhân đạo nhưng chỉ được áp dụng với người bị kết án với hình phạt tù không quá ba năm. Khi hưởng án treo người đó không phải chấp hành hình phạt tù mà thay vào đó họ được tại ngoại, có cuộc sống bình thường với cư dân tại cộng đồng. Nhưng trong khoảng thời gian đó họ không hoàn toàn được tự do (như công dân bình thường khác) mà họ có một thời gian thử thách, trong thời gian thử thách đó họ phải làm theo những yêu cầu theo quy định cụ thể của pháp luật, quyết định của Tòa án trong những trường hợp cụ thể.

2.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng các chế định: đặc xá, đại xá và xóa án tích

2.3.1. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định đặc xá

Luật đặc xá năm 2007 đã đề cập đến khái niệm đặc xá: *Đặc xá là sự khoan hồng đặc biệt của Nhà nước do Chủ tịch nước quyết định tha tù trước thời hạn cho người bị kết án phạt tù có thời hạn, tù chung thân nhân sự kiện trọng đại, ngày lễ lớn của đất nước hoặc trong trường hợp đặc biệt.*

Ví dụ: Nguyễn Tâm Mạnh bị Toà án nhân dân kết án 3 năm tù về tội trộm cắp tài sản. chấp hành hình phạt tù ngày 03/3/2009 tại Trại giam số 3 công an tỉnh. Khi chấp hành hình phạt tù tại trại giam Mạnh đã ý thức được hành động sai lầm trước đây của mình và muốn rút ngắn thời gian chấp hành hình phạt để trở về với cuộc sống thường nhật, chăm sóc cha, mẹ già nên trong quá trình cải tạo Mạnh luôn chấp hành tốt Nội quy của trại giam, trại tạm giam; tích cực học tập, lao động; trong quá trình chấp hành án phạt tù được xếp loại cải tạo từ loại khá và giỏi. Mạnh đã làm đơn xin ân xá gửi Chủ tịch nước xét đặc xá trong dịp 02/9/2011. Căn cứ vào quá trình cải tạo của Mạnh tại trại giam và tính đến 19/7/2011 Mạnh đã chấp hành hình phạt tù được hơn 1/3 thời hạn (trước đó Mạnh chưa được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù nào) để tạo điều kiện cho Mạnh có thể làm lại cuộc đời sau khi ra tù trong thời gian sớm nhất Chủ tịch nước đã đồng ý với đơn xin ân giảm và xét đặc xá tha tù trước thời hạn đối với Nguyễn Tâm Mạnh trong dịp Quốc khánh năm 2011.

Có thể nói đặc xá là chế định phản ánh sâu sắc bản chất nhân đạo của pháp luật Việt Nam, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật với hành vi phạm tội mà người bị kết án đã thực hiện. Đặc xá tạo cho người đang chấp hành hình phạt có cơ hội rút ngắn thời gian chấp hành hình phạt hoặc không phải chấp hành hình phạt đó... Đặc xá tạo điều kiện để người bị kết án có động lực, có tâm lý ổn định nhằm cải tạo tốt, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của trại giam... Đồng thời cũng nhằm khuyến khích họ hối cải, chuyên tâm rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội, bởi vậy mà đặc xá thể hiện truyền thống nhân ái, bao dung của dân tộc Việt Nam và chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta đối với người phạm tội bị kết án phạt tù đã cải tạo tiến bộ, thể hiện tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là sự tha tù trước thời hạn. Đặc xá có thể là sự chấp dứt án tích (với trường hợp được xóa án) còn những trường hợp còn lại (giảm nhẹ hình phạt, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt) thì người bị kết án đang chấp hành hình phạt vẫn phải chịu án tích như bình thường.

2.3.2. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định đại xá

Đại xá cũng góp phần thể hiện đường lối, chủ trương của Nhà nước đối với chính sách phòng chống tội phạm ở mỗi thời kỳ. *Đại xá là sự khoan hồng đặc biệt của pháp luật do Quốc hội quyết định đối với những người đã thực hiện tội phạm đang bị xét xử hoặc đã bị tuyên án hưởng biện pháp tha miễn của Bộ luật hình sự khi họ đáp ứng được những yêu cầu của văn bản đại xá.*

Ví dụ: Năm 1945, khi vua Bảo Đại thoái vị, giao ấn tín cho Cách mạng nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời... Để hạn chế tội phạm phát triển, ổn định tình hình lúc giao thời lúc bấy giờ Hồ Chủ tịch - Chủ tịch Chính phủ lâm thời của Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra sắc lệnh số 52 ngày 20/10/1945. Trong đó: Tội phạm vào luật lệ báo chí; Tội phạm vào luật lệ hội họp; Tội của thợ thuyền bị trừng phạt do luật lệ lao động và do các lệnh ngày mồng 2 tháng 9 năm 1932 (nói về tội thợ thuyền bỏ việc mà không trả tiền vay trước); Tội phạm trong khi đình công; Tội phạm vào luật lệ về quan thuế và chuyên mại: rượu lậu, thuốc phiện lậu, muối lậu và các hàng lậu khác; Tội phạm vào luật lệ kiểm lâm; Tội phạm luật lệ về kinh tế chi huy, không kể những tội đã đem ra xử trước toà Đại hình đặc biệt thiết lập do Sắc lệnh ngày 23 tháng 6 năm 1941; Tội vô ý giết người hoặc đánh người có thương tích; Tội vi cảnh được xá miễn. Những người vì chiến đấu cho nền độc lập của nước Việt Nam

mà đã bị kết án trước ngày 19 tháng 8 dương lịch năm 1945 như là chính trị phạm hay thường phạm đều được xá tội (khi làm đơn xin xá miễn lên Ủy ban nhân dân tỉnh nơi mình ở. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ điều tra rồi làm tờ trình gửi theo với đơn Ủy ban nhân dân ký, để Ủy ban này chuyển hồ sơ lên Bộ Tư pháp xét định). Những khinh tội phạm trước ngày 19 tháng 8 năm 1945 mà Tòa án đã xử phạt tiền, hoặc tù án treo, hoặc cả hai thứ hình phạt đó, đều được xá miễn.

Như vậy, khi được đại xá thì những tội đó đều coi như không phạm bao giờ; quyền công tố sẽ tiêu hủy, những chính hình và phụ hình mà Tòa án đã tuyên đều bỏ hết. Nhưng những tiền phạt hoặc án phí mà công khổ đã thu của tội nhân rồi thì không hoàn lại nữa. Những của cải đã tịch biên và phạt mai rồi cũng không có quyền đòi bồi thường - đây là nét nhân đạo, bảo vệ quyền con người của pháp luật Việt Nam luôn tạo cho phạm nhân những cơ hội làm lại từ đầu, rút ngắn khoảng thời gian chấp hành hình phạt để họ nhanh chóng được quay lại với cuộc sống thường ngày.

Có thể nói đại xá là một chế định nhân đạo của hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, tùy thuộc vào từng giai đoạn tổ tụng cụ thể mà đại xá cho phép áp dụng những biện pháp tha miễn cụ thể đối với người thực hiện hành vi phạm tội nhân dịp có những sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước. Khi được đại xá đồng nghĩa rằng họ sẽ được hưởng 1 trong 6 chế định: miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt hoặc giảm nhẹ hình phạt hoặc miễn chấp hành hình phạt hoặc giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc xóa án tích.

2.3.3. Sự thể hiện nội dung bảo vệ quyền con người bằng chế định xóa án tích

Xóa án tích là việc chấm dứt hoàn toàn trách nhiệm hình sự của người bị kết án trên cơ sở những quy định của pháp luật hình sự.

Ví dụ: Nguyễn Văn Quân, sinh năm 1968 trú tại: tổ dân phố An Lạc, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội theo bản án hình sự sơ thẩm số 34/1992/HSST của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã bị kết án 8 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 tháng về tội trộm cắp tài sản. Căn cứ Điều 63, 64, 67 của Bộ luật Hình sự và Điều 270 của Bộ luật Tố tụng hình sự (theo Giấy chứng nhận xóa án tích số 02/2014/GCN-CA ngày 18/3/2014 của tòa án nhân dân huyện Gia Lâm) Nguyễn Văn Quân đương nhiên được xóa án tích và được coi như chưa bị kết án.

Như vậy, chỉ cần sau một khoảng thời gian nhất định người bị Tòa án tuyên án tương ứng sẽ được xóa án mà họ bị tuyên, sau đó họ có phạm tội sẽ không bị coi là tái phạm.

Có thể nói xóa án tích là chế định mang tính chất nhân đạo sâu sắc, nhằm khuyến khích những người bị kết án phạt tù chấp hành nghiêm chỉnh bản án và cải tạo tốt khi họ thỏa mãn những điều kiện nhất định họ không bị coi là có tiền án đây là điều kiện thuận lợi tạo nên nhân thân tốt cho bị án để hòa nhập cộng đồng sau khi chấp hành hình phạt và trở thành người công dân có ích cho xã hội.

Chương 3:

HOÀN THIỆN CÁC BIỆN PHÁP THA MIỄN TRONG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM THEO HƯỚNG TĂNG CƯỜNG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN CON NGƯỜI

Bộ luật hình sự năm 1999 tính đến nay đã áp dụng được 15 năm với một lần sửa đổi, bổ sung năm 2009. 15 năm qua đất nước đã có nhiều thay đổi từ một nước kém phát triển thành nước đang phát triển, đang chuyển sang xây dựng nền kinh tế thị trường. Trong điều kiện như vậy, sự ít hiểu biết về pháp luật của một bộ phận nhân dân cùng với những bất cập của hệ thống pháp luật đã dẫn đến tình

trạng vi phạm kỷ cương xã hội, coi thường pháp luật có sự gia tăng. Để trật tự kỷ cương được xã hội được thiết lập lại, bảo đảm những yếu tố cơ bản nhất của một xã hội công bằng, dân chủ, văn minh thì việc nghiên cứu và áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự là điều quan trọng, quyền con người là một vấn đề được dư luận quan tâm, từng bước được luật hóa và sự ghi nhận chế định về biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự thể hiện chính sách nhân đạo trong việc bảo vệ nhân quyền tiến tới hoàn thiện hệ thống pháp luật quốc gia theo hướng bảo đảm công bằng, dân chủ và bảo vệ hơn nữa quyền con người, đặc biệt là những người yếu thế trong xã hội. Vì thế, từ việc nghiên cứu, xem xét các chế định trong mối liên hệ với các chế định có liên quan đến việc áp dụng vào thực tiễn xét xử sao cho phù hợp để từng bước hoàn thiện Bộ luật hình sự theo hướng bảo vệ quyền con người là một yêu cầu cấp thiết trong thực tiễn lập pháp hình sự.

3.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự Việt Nam theo hướng bảo vệ quyền con người

** Về mặt chính trị - xã hội:*

Ngày nay, để công cuộc công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước bền vững phải bảo đảm quyền con người, quyền công dân và các điều kiện để mọi người phát triển toàn diện, tạo ra cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ nhất là dân chủ trực tiếp nhằm phát huy khả năng sáng tạo của con người, bảo đảm sự nhất trí đồng thuận trong xã hội tạo động lực phát triển đất nước. Mặt khác Hiến pháp năm 2013 đã có một chương riêng - Chương II quy định về quyền con người với các quyền con người lần đầu tiên được ghi nhận. Vì vậy, gắn với các quy định của pháp luật hình sự nói chung và các quy định về biện pháp tha miễn nói riêng đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, nhận thức và sửa đổi, hoàn thiện sao cho phù hợp với các quan điểm của Đảng và các quy định của Hiến pháp về quyền con người và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

** Về mặt lý luận và lập pháp hình sự:*

Từ thực tiễn 15 năm áp dụng các biện pháp tha miễn trong Luật hình sự bên cạnh những ưu điểm của các biện pháp này cũng bộc lộ nhiều tồn tại, để hoàn thiện hơn nữa hệ thống pháp luật hình sự cần phải phát huy những ưu điểm và hạn chế tối đa những tồn tại nên vấn đề sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự được đặt ra như một tất yếu.

** Về mặt thực tiễn:*

Hiện nay, tuy các biện pháp tha miễn đã được quy định cụ thể trong Bộ luật hình sự nhưng trong thực tiễn các biện pháp này vẫn chưa thực sự trở thành công cụ pháp lý hữu hiệu trong công tác đấu tranh phòng ngừa tội phạm và chưa phát huy được hiệu quả bảo vệ quyền con người... mà chúng được sử dụng nhiều khi không thống nhất, còn áp dụng “tràn lan” như án treo... làm biện pháp tha miễn giảm đi tính nhân văn sâu sắc. Nên, trong thời gian tiếp theo để biện pháp tha miễn trở về đúng bản chất là các biện pháp khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội chỉ khi họ thỏa mãn những điều kiện nhất định thì việc hoàn thiện quy định về biện pháp tha miễn trong Bộ luật hình sự là việc làm cần thiết.

3.2. Nội dung hoàn thiện

** Về hình thức ghi nhận trong Bộ luật hình sự hiện hành:*

Quy định riêng một chương riêng quy định về các biện pháp tha miễn - Chương ...: Các biện pháp tha miễn. Theo thứ tự các điều như sau: 1) Không truy cứu trách nhiệm hình sự do hết thời hiệu, 2) Không phải chấp hành bản án kết tội do hết thời hiệu, 3) Miễn trách nhiệm hình sự, 4) Miễn hình

phạt, 5) Miễn chấp hành hình phạt, 6) Giảm mức hình phạt đã tuyên, 7) Hoãn chấp hành hình phạt tù, 8) Tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, 9) Án treo, 10) Đặc xá, 11) Đại xá, 12) Xóa án tích [9].

** Về đối tượng áp dụng:*

Chính bởi bản chất tốt đẹp của các biện pháp tha miễn là sự nhân đạo, khoan hồng, bảo vệ quyền con người mà pháp luật dành cho người phạm tội, người bị kết án... Theo như bảng thống kê trên về các biện pháp tha miễn thì có một số biện pháp tha miễn có thể áp dụng cho tất cả các đối tượng phạm tội, người bị kết án, nhưng lại có một số biện pháp tha miễn lại giới hạn về đối tượng áp dụng (như miễn chấp hành hình phạt, tạm/hoãn chấp hành hình phạt tù, giảm mức hình phạt đã tuyên) áp dụng với: người bị bệnh nặng, phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, là người lao động duy nhất trong gia đình, người lâm vào hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn kéo dài do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc ốm đau gây ra... Vì biện pháp tha miễn là sự thể hiện sự khoan hồng, bảo vệ quyền con người của pháp luật hình sự nên chẳng đối tượng áp dụng với một số biện pháp cần được mở rộng hơn đặc biệt với nhóm người yếu thế trong xã hội như: người già, người tàn tật, người có nhược điểm về thể chất, tinh thần...

** Về tội, loại hình phạt được áp dụng:*

Biện pháp tha miễn: Miễn chấp hành hình phạt và giảm mức hình phạt đã tuyên được áp dụng cho nhiều hình phạt trong đó có hình phạt tù có thời hạn nhưng lại không có hình phạt là án treo. Nếu xét về mức độ bảo vệ quyền tự do về mặt thân thể của con người thì án treo là hình phạt nhân đạo hơn hình phạt tù có thời hạn... Vậy, để tăng tính nhân đạo cho luật hình sự, cho người bị kết án cơ hội quay lại cuộc sống thường nhật nhanh hơn nên chăng quy định: Án treo được miễn chấp hành hình phạt và giảm mức hình phạt đã tuyên.

3.2.1. Chế định thời hiệu

- Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự:

Bộ luật hình sự tuy đã có khái niệm thời hiệu nhưng vẫn còn chung chung, chưa nêu rõ được bản chất pháp lý về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Để hạn chế những tồn tại và bảo đảm quyền “tự do về mặt nhân thân của con người” - bảo đảm cho họ có “nhân thân tốt” cần sửa đổi chế định này theo hướng: Phần khái niệm bỏ sung cụm từ “và coi như chưa thực hiện tội phạm” và không quy định thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự với tội rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, cụ thể:

Điều Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

1. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và coi như chưa thực hiện tội phạm.

2. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định như sau:

a) Năm năm đối với các tội phạm ít nghiêm trọng;

b) Mười năm đối với các tội phạm nghiêm trọng;

(Các khoản khác giữ nguyên)

- Thời hiệu thi hành bản án:

BLHS chỉ quy định trường hợp thời hiệu thi hành với bản án mà không quy định thời hiệu phải thi hành với quyết định của toà án (như các quyết định: đưa bản án ra thi hành án, hoãn thi hành án phạt tù, tạm đình chỉ thi hành án phạt tù, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời gian chấp hành hình phạt, xóa án tích...).

Mặt khác ở Khoản 2 Điều 55 BLHS quy định những hình phạt áp dụng thời hiệu thi hành bản án gồm: xử phạt tiền, cải tạo không giam giữ, xử phạt tù. Trong các trường hợp nêu trên không hề có hình phạt cảnh cáo, trục xuất và hoàn toàn không quy định về thời hiệu thi hành án với các hình phạt bổ sung (cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản). Để hợp lý hơn cần sửa đổi theo hướng:

Điều Thời hiệu thi hành bản án, quyết định của Tòa án

Bổ sung thời hiệu thi hành quyết định của tòa án và quy định thời hạn cụ thể đối với từng loại quyết định mà tòa án ban hành.

3.2.2. Chế định miễn trách nhiệm hình sự

Căn cứ để áp dụng miễn trách nhiệm hình sự là *khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử, do chuyển biến của tình hình mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa hoặc trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, thì cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự* [4] tuy đã bao hàm nhiều trường hợp nhưng nội hàm còn khá rộng, có hiểu cách xác định, cách hiểu, nhiều khi còn phụ thuộc vào ý chí chủ quan của người áp dụng.

Bởi, sự chuyển biến của tình hình tuy được hiểu là sự chuyển biến về tất cả các mặt của đời sống xã hội như: chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học-kỹ thuật... nhưng sự chuyển biến này xác định như thế nào lại có nhiều căn cứ nhất là sự thay đổi về nền văn hóa của xã hội, hiện nay văn hóa là sự du nhập hỗn độn của nhiều nền văn hóa đông, tây, có sự phối kết hợp giữa văn hóa hiện đại và văn hóa truyền thống... nên xác định sự chuyển biến tình hình ở lĩnh vực văn hóa là hết sức mơ hồ và trừu tượng.

Hơn nữa, quy định *trước khi hành vi phạm tội bị phát giác, người phạm tội đã tự thú, khai rõ sự việc, góp phần có hiệu quả vào việc phát hiện và điều tra tội phạm, cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất hậu quả của tội phạm, thì cũng có thể được miễn trách nhiệm hình sự* không thấy đề cập đến tính chất nguy hiểm cho xã hội và hậu quả của tội phạm (ở giai đoạn chuẩn bị phạm tội). Vì vậy, hậu quả của tội phạm tuy được ghi nhận là điều kiện để miễn trách nhiệm hình sự là *đến mức thấp nhất* nhưng nếu đã không xác định/ quy định tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả của hành vi thì cũng rất khó xác định hậu quả của hành vi, vì vậy, thế nào là hậu quả thấp nhất của tội phạm cũng khó có thể xác định.

Để hạn chế những tồn tại trên cần sửa đổi chế định này theo hướng: tại Khoản 1 thay thế cụm từ “do chuyển biến của tình hình” bằng cụm từ “và căn cứ vào hoàn cảnh thực tế” và bỏ từ “cố gắng” để tạo ra sự “linh động” cho cơ quan tiến hành tố tụng khi áp dụng nhằm tăng cường việc bảo vệ quyền con người, cụ thể:

Điều Miễn trách nhiệm hình sự

1. Người phạm tội được miễn trách nhiệm hình sự, nếu khi tiến hành điều tra, truy tố hoặc xét xử và căn cứ vào hoàn cảnh thực tế mà hành vi phạm tội hoặc người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa.

(Các khoản khác giữ nguyên)

3.2.3. Chế định miễn chấp hành hình phạt

Phạm vi các hình phạt được áp dụng để làm căn cứ để miễn chấp hành hình phạt (khi thỏa mãn những yêu cầu nhất định). Chỉ áp dụng với hình phạt cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn (chưa

chấp hành xong hình phạt), áp dụng với người bị kết án (nói chung) khi có quyết định đại xá, người bị kết án về tội ít nghiêm trọng đã được hoãn chấp hành hình phạt (...), người bị kết án phạt tù về tội ít nghiêm trọng đã được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt (...), người bị phạt cấm cư trú, quản chế (đã chấp hành được một phần hai hình phạt). Tuy Bộ luật hình sự đã ghi nhận tương đối nhiều trường hợp có thể được miễn chấp hành hình phạt nhưng vẫn chưa quy định miễn chấp hành hình phạt với hình phạt tiền và miễn chấp hành hình phạt với hình phạt bổ sung (cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; quản chế; tước một số quyền công dân; tịch thu tài sản), án treo.

Để hạn chế những tồn tại trên và mở rộng đối tượng áp dụng nhằm tăng cường việc bảo vệ quyền con người, cần sửa đổi chế định này theo hướng: Bổ sung miễn chấp hành hình phạt đối với hình phạt tiền, án treo và cụm từ “căn cứ vào hoàn cảnh thực tế không có khả năng tài chính hoặc” vào Khoản 1 (nhằm giảm bớt gánh nặng tài chính cho bị án sau này).

Điều Miễn chấp hành hình phạt

1. Đối với người bị kết án *phạt tiền*, cải tạo không giam giữ, *án treo*, tù có thời hạn, chưa chấp hành hình phạt mà *căn cứ vào hoàn cảnh thực tế không có khả năng tài chính hoặc* lập công lớn hoặc mắc bệnh hiểm nghèo và nếu người đó không còn nguy hiểm cho xã hội nữa, thì theo đề nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát, Tòa án có thể quyết định miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

(Các khoản khác giữ nguyên)

3.2.4. Chế định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

Bộ luật hình sự chỉ quy định cụ thể giới hạn khoảng thời gian được hoãn, miễn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án do nhu cầu công vụ thì được hoãn đến một năm còn các trường hợp còn lại của người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù: người đó bị bệnh thì được hoãn đến khi sức khỏe được hồi phục. Khái niệm sức khỏe được hồi phục là khái niệm chung chung, đối với một số bệnh nan y không có khả năng chữa lành thì khoảng thời gian được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù khó xác định. Hoặc phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, thì được hoãn cho đến khi con đủ 36 tháng tuổi, trong khoảng thời gian hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù mà người đó lại tiếp tục ở trong tình trạng có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 thì dường như thời gian được hoãn hay tạm đình chỉ này không có giới hạn nhất định. Nhằm bảo đảm công bằng đối với mọi trường hợp được áp dụng biện pháp tha miễn này cần quy định cụ thể loại bệnh (thế nào là bệnh nặng, bệnh nặng là những loại bệnh nào), có nên quy định các trường hợp của phụ nữ có thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi như thế nào mới được hưởng tình tiết này hay không?

Để giảm thiểu đến mức tối đa những tồn tại trên cần sửa đổi chế định này theo hướng: Hạn chế thời hạn được hoãn chấp hành hình phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với trường hợp bị bệnh và phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi.

3.2.5. Chế định giảm mức hình phạt đã tuyên

Bộ luật hình sự quy định giảm mức hình phạt đã tuyên chỉ được áp dụng với hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tiền, phạt tù (hình phạt chính). Cho đến lần sửa đổi, bổ sung năm 2009 Bộ luật hình sự vẫn thiếu các quy định giảm mức hình phạt với án treo, hình phạt bổ sung. Vậy, để tăng đối tượng áp dụng nhằm tăng cường việc bảo vệ quyền con người và để khắc phục hạn chế, tồn tại trên cần sửa đổi chế định này theo hướng:

Điều Giảm mức hình phạt đã tuyên

Khoản 1, 2 giữ nguyên

Bổ sung: Khoản 3. Người bị kết án cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, tịch thu tài sản nếu, án treo chấp hành được một phần hai thời gian trong bản án mà có nhiều tiến bộ, chuyển biến tốt trong nhận thức và hành động, thì theo đề nghị của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền được giao trách nhiệm giám sát thi hành án, Tòa án có thể xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt.

Khoản 4, 5 là khoản 3, 4 cũ.

KẾT LUẬN

Quyền con người là một vấn đề không mới nhưng ngày càng được dư luận quốc tế và trong nước quan tâm. Quyền con người luôn là cái đích hướng tới của Nhà nước tiến bộ. Một Nhà nước chỉ là nhà nước pháp quyền khi các quyền lợi của công dân và khi quyền con người trong đất nước đó được bảo đảm bằng pháp luật, khi đó Nhà nước sẽ thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Trong một quốc gia, quyền con người được thể hiện ở nhiều lĩnh vực, quyền con người được thực hiện nghiêm chỉnh ở mỗi lĩnh vực góp phần làm nên một xã hội mà quyền con người được coi trọng và bảo vệ. Bảo vệ con người thông qua các biện pháp tha miễn là một điển hình. Các biện pháp này mang tính nhân đạo sâu sắc, biện pháp tha miễn là một phần không thể thiếu được của pháp luật hình sự, phản ánh sự nhân đạo của Nhà nước với người phạm tội, đây cũng là sự mềm dẻo của pháp luật giúp người phạm tội con đường “tái hòa nhập xã hội” ngắn hơn, giúp người phạm tội ý thức được bản thân vẫn còn giá trị của cuộc sống, vẫn còn được xã hội coi trọng và công nhận. Vì thế, biện pháp tha miễn là những biện pháp quan trọng hàng đầu và không thể thiếu được của một Bộ luật hình sự khả thi, chúng góp phần giảm đi sự “áp đặt” cưỡng chế của Nhà nước với người phạm tội và biện pháp tha miễn là một trong những biện pháp nhân đạo ấy. Bị cáo khi được áp dụng biện pháp tha miễn thì hình phạt của họ sẽ “nhẹ” hơn hình phạt của các trường hợp tương tự nhưng không có các biện pháp tha miễn. Khi được hưởng tình tiết này bị cáo sẽ vẫn được bảo toàn hoặc chỉ bị hạn chế một số quyền nhất định (không phải là tước bỏ hoàn toàn).

Quy định về các biện pháp tha miễn trong pháp luật hình sự tạo cơ sở thống nhất cho việc áp dụng các biện pháp có tính chất nhân đạo, khoan hồng. Bảo đảm sự công bằng, nghiêm minh, nhanh chóng, kịp thời, theo đúng pháp luật. Đây là một bước tiến lớn trong kỹ thuật lập pháp, đồng thời cũng thể hiện sự bảo vệ nhân quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Ngày nay, xã hội ngày càng phát triển kéo theo sự phức tạp của các quan hệ xã hội nên có một số biện pháp tha miễn chưa thực sự phù hợp với thực tế, vì vậy cần có sự sửa đổi, bổ sung cho phù hợp để nâng cao chất lượng cũng như hiệu quả của các biện pháp tha miễn góp phần hoàn thiện hơn nữa sự nhân đạo của pháp luật Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng./.